

Số: 12/2024/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 08 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành định mức, phương thức quản lý, khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông báo kết luận số 1806-TB/TU ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Thường trực Tỉnh ủy Phú Thọ về một số nội dung thực hiện theo Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định định mức, phương thức quản lý và khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Thọ.

Những nội dung không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô (sau đây gọi là Nghị định số 72/2023/NĐ-CP) và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, đơn vị sự nghiệp công lập, Mặt trận tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, Ban quản

lý dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Thọ (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

Điều 2. Định mức sử dụng và nguồn kinh phí trang bị xe ô tô

1. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại Điều 11, Điều 12 và điểm a Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Phú Thọ quản lý được ban hành tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Nguồn kinh phí trang bị xe ô tô: Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý hiện hành, ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có), quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn kinh phí khác được phép sử dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Phương thức quản lý xe ô tô

Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung tại các cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy; sở, ban, ngành và tương đương trực thuộc tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Phú Thọ, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh: Giao cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị có tiêu chuẩn, định mức trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 4. Khoản kinh phí sử dụng xe ô tô

1. Thẩm quyền quyết định các nội dung về khoản kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Thọ như sau:

a. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy; sở, ban, ngành và tương đương trực thuộc tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Phú Thọ, các tổ chức chính trị - xã hội thuộc tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh quyết định các nội dung về khoản kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại Khoản 7 Điều 21 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP (trừ nội dung quy định tại điểm c khoản này) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc.

b. Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị quyết định các nội dung về khoản kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại Khoản 7 Điều 21 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP (trừ nội dung quy định tại điểm c khoản này) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện.

c. Riêng đối tượng áp dụng khoản kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam ở tỉnh được thực hiện theo quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Trường hợp tất cả các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị áp dụng khoản kinh phí sử dụng xe ô tô cho các công đoạn thì không thực hiện trang bị xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị đó. Trường hợp đã trang bị xe ô tô thì phải sắp xếp lại, xử lý số xe ô tô hiện có.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm quản lý, sử dụng xe ô tô theo đúng quy định hiện hành. Hạch toán và công khai chi phí sử dụng xe ô tô,

chi phí khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô phục vụ công tác theo quy định của pháp luật. Cập nhật dữ liệu về xe ô tô vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo quy định.

2. Sở Tài chính tổ chức thực hiện việc rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện sắp xếp lại xe ô tô phục vụ công tác chung hiện có của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; xử lý xe ô tô dôi dư theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản chi tiết thi hành Luật.

3. Kho bạc Nhà nước Phú Thọ căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung kèm theo Quyết định này, thực hiện kiểm soát chi đối của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo đúng quy định pháp luật.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2024 và thay thế Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ quy định bổ sung định mức, hình thức quản lý và khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Thọ.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế (Bộ Tài chính);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- UBND các huyện, thành, thị;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, NCTH, TH4(T.150b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trọng Tấn

PHỤ LỤC
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA CÁC CƠ
QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH PHÚ THỌ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 12/2024/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 của UBND tỉnh Phú Thọ)

TT	Đơn vị quản lý, sử dụng	Số lượng (tối đa)	Ghi chú
	TỔNG SỐ	176	
I	Khối văn phòng cấp tỉnh	18	
1	Văn phòng Tỉnh ủy	4	Trong đó có 01 xe 02 cầu công suất lớn với mức giá tối đa 4.500 triệu đồng/xe
2	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	7	
3	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	7	Trong đó có 01 xe 02 cầu công suất lớn với mức giá tối đa 2.800 triệu đồng/xe
II	Khối các Sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, Ban QLDA cấp tỉnh	67	
1	Sở Nội vụ	3	
2	Thanh tra tỉnh	2	
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	3	
4	Sở Tài chính	3	
5	Sở Thông tin và Truyền thông	2	
6	Sở Nông nghiệp và PTNT	7	
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	3	
8	Sở Ngoại vụ	2	
9	Sở Công thương	3	
10	Sở Xây dựng	3	
11	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	3	
12	Sở Tư pháp	2	
13	Ban Quản lý các KCN	2	
14	Sở Giao thông vận tải	3	
15	Sở Khoa học và Công nghệ	3	
16	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	3	
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	3	
18	Sở Y tế	2	
19	Ban dân tộc	1	
20	Hội Nông dân	2	
21	Hội LHPN tỉnh	2	
22	Tỉnh đoàn Phú Thọ	2	

23	Hội Cựu chiến binh tỉnh	2	
24	Ủy ban MTTQ tỉnh	2	
25	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, dân dụng & công nghiệp tỉnh Phú Thọ	2	
26	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh Phú Thọ	2	
III	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh	13	
1	Đại học Hùng vương	3	
2	Trường Cao đẳng Y	2	
3	Trường Cao đẳng nghề	2	
4	Khu di tích lịch sử Đền Hùng	3	
5	Đài phát thanh truyền hình	3	
IV	Cấp huyện	78	
1	Thành phố Việt Trì	6	
2	Thị xã Phú Thọ	6	
3	Huyện Phù Ninh	6	
4	Huyện Lâm Thao	6	
5	Huyện Thanh Sơn	6	
6	Huyện Tân Sơn	6	
7	Huyện Thanh Ba	6	
8	Huyện Thanh Thủy	6	
9	Huyện Tam Nông	6	
10	Huyện Cẩm Khê	6	
11	Huyện Yên Lập	6	
12	Huyện Hạ Hòa	6	
13	Huyện Đoan Hùng	6	